

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 835/2026/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 04 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Tuấn N, sinh năm 1996; số CCCD: 036096008112, do Cục C về TTXH, cấp ngày 15/6/2024; địa chỉ: Thôn V, xã L, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Trần Thị Lệ T, sinh năm 1993; số CCCD: 080193011435, do Cục C về TTXH, cấp ngày 21/12/2021; địa chỉ: Số B, Đường H, ấp P, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2024, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, cấp ngày 15/02/2024 (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Ninh Bình), ông Phạm Tuấn N và bà Trần Thị Lệ T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thỏa thuận của các đương sự:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tuấn N và bà Trần Thị Lệ T cùng trình bày: Ông, bà tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2024. Trong quá trình chung sống, giữa hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng với nhau về quan điểm sống. Nay cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly

hôn. Do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông N và bà T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Kim A, sinh ngày 31/7/2024. Sau khi ly hôn hai bên thỏa thuận giao trẻ Phạm Kim A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con do 02 bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự là: 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng do ông Phạm Tuấn N và bà Trần Thị Lệ T nộp, được căn trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông, bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023634 ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông N và bà T đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tuấn N và bà Trần Thị Lệ T thuận tình ly hôn. Ông Phạm Tuấn N và bà Trần Thị Lệ T đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2024, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, cấp ngày 15/02/2024 (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Ninh Bình).

- Về con chung: Giao trẻ Phạm Kim A, sinh ngày 31/7/2024 cho bà Trần Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con do 02 bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí việc dân sự là: 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng do ông Phạm Tuấn N và bà Trần Thị Lệ T nộp, được căn trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông, bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023634 ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông N và bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2024, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Ninh Bình) cấp ngày 15/02/2024 không còn hiệu lực kể từ ngày Tòa án ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – TP. HCM
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình (để ghi vào sổ hộ tịch theo giấy chứng nhận kết hôn số: 07/2024, ngày 15/02/2024);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVDS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Long Sơn